

Một số xu hướng mới trên thế giới hiện nay

Nguyễn Thường Lạng¹

Nhận ngày 30 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 2 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Tình hình thế giới trong giai đoạn mới đang bộc lộ những xu hướng mới. Đó là, tình hình quan hệ giữa Mỹ, Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nga và các nước trong Liên minh kinh tế Á - Âu, ASEAN và các nước khác có những thay đổi. Các chủ thể và các khối liên kết có sự tương tác rất mạnh trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19. Các mối quan hệ này có ảnh hưởng đến đối sách của các nước theo hướng các nước tự điều chỉnh chính sách để tối ưu và thậm chí tối đa hóa lợi ích quốc gia. Với các quan hệ đa dạng, nhiều chiều và nhiều cấp độ, thường xuyên diễn biến khó lường, Việt Nam cần có đối sách linh hoạt, phù hợp để vừa tránh được các mâu thuẫn, xung đột không cần thiết, vừa khai thác hiệu quả các lợi ích trong điều kiện bất định và khó lường của quan hệ quốc tế.

Từ khóa: Covid -19, thế giới, xu hướng mới.

Phân loại ngành: Quốc tế học

Abstract: The world situation in the new period is revealing new trends. That is, the relationship among the US, the European Union, China, Russia and countries in the Eurasian Economic Union, ASEAN and other countries has changed. Entities and linked blocs have a very strong interaction in the context of the global economic crisis because of the impact of the Covid-19 pandemic. These relationships have an influence on the policies of countries in the direction that they adjust their own policies to optimise and even maximise national interests. For diverse, multi-dimensional and multi-level relations, often with unpredictable developments, Vietnam needs to have flexible and appropriate countermeasures to both avoid unnecessary conflicts, and effectively exploit the situation to gain benefits in the uncertain and unpredictable conditions of international relations.

Keywords: Covid -19, world, new trends.

Subject classification: International Studies

¹ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: langnt@neu.edu.vn

1. Giới thiệu

Việc phân tích, đánh giá tình hình và dự báo xu hướng thế giới là một vấn đề phức tạp do điều kiện thế giới biến động khó lường. Bên cạnh hiểu rõ xu hướng vận động khái quát dài hạn của thế giới về chính trị, kinh tế, công nghệ..., việc dự đoán các phản ứng chính sách ngắn hạn của các nước là căn cứ để có các đối sách ngắn hạn. Việc sử dụng nguồn thông tin hiệu quả cùng với phương pháp phân tích, đánh giá, dự báo phù hợp sẽ tạo điều kiện để các bên đưa ra các giải pháp đón đầu hiệu quả, tránh thiệt hại và có thể thu được lợi ích.

Trong quá trình toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng, vị thế của các quốc gia cũng thay đổi đáng kể. Chẳng hạn, từ năm 2006-2012, Trung Quốc chuyển từ vị trí nền kinh tế lớn thứ 6 lên vị trí nền kinh tế có quy mô lớn thứ 2 trên thế giới. Đến năm 2020, nhiều dự báo thời gian nền kinh tế Trung Quốc vượt Mỹ về quy mô rút ngắn nhanh hơn từ 2-3 năm so với dự kiến ban đầu. Trong khi các nền kinh tế khác có khả năng bị tụt hạng do tác động của đại dịch Covid-19 thì nền kinh tế Hàn Quốc vươn lên đứng thứ 10 thế giới. Các nước lớn có những điều chỉnh chiến lược quan trọng để nỗ lực cải thiện vị thế quốc gia. Các cách tiếp cận của các quốc gia mang tính tổng hợp cao hơn trong quá trình điều chỉnh quan hệ và mỗi quốc gia đều sử dụng công cụ của mình để tạo đối trọng với quốc gia khác.

Bài viết đánh giá tình hình thế giới, phân tích cụ thể từng quan hệ chiến lược và cơ bản để dự báo xu hướng mới. Giai đoạn nghiên cứu là 1990-2020, dự báo đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050. Để đạt mục tiêu đặt ra, bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh. Đặc biệt, bài viết sử dụng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải thích những thay đổi trong quan hệ quốc tế, xuất phát từ sự thay đổi của cơ sở hạ tầng bắt đầu từ tác động của những đột phá về công nghệ. Dữ liệu được thu thập từ các tổ chức quốc tế như: Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và từ các nghiên cứu chuyên sâu khác.

2. Bối cảnh chung của thế giới

2.1. Đại dịch Covid-19 đẩy thế giới vào một cuộc cạnh tranh chiến lược mới với rủi ro rất lớn

Đại dịch Covid-19 bắt đầu xảy ra đầu năm 2020 từ Vũ Hán (Trung Quốc). Đây là trận đại dịch tàn quét với quy mô toàn thế giới. Tính đến ngày 29/9/2021, đại dịch gây nhiễm 233.572.276 người, đã có 4.779.159 trường hợp tử vong và có 210.393.552 ca phục hồi (Worldometers, 2021). Đại dịch làm suy giảm nền kinh tế thế giới. Nhiều quốc gia hàng đầu phải đưa ra các gói kích cầu khổng lồ, như Mỹ đã hai lần đưa ra gói kích cầu khoảng 5.000 tỷ USD. Tâm dịch thế giới là Mỹ, Ấn Độ, Brazil và bùng phát mạnh trở lại ở các nước ASEAN như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Việt Nam từ tháng 4/2021 (CSIS, 2021).

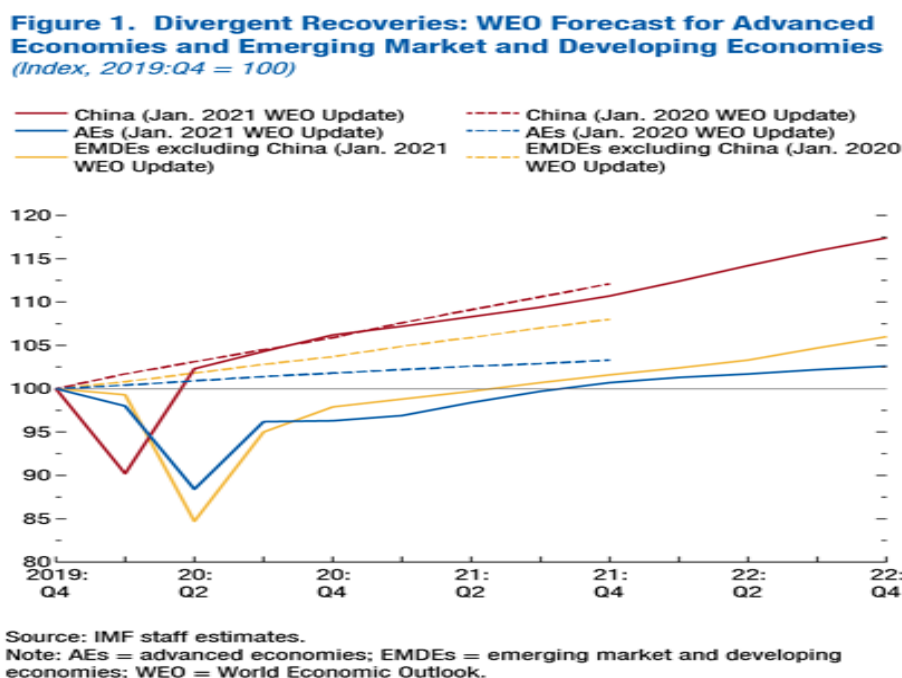
Nguy cơ dịch bệnh đang là mối đe dọa lớn nhất với sự tồn vong của loài người và chi phối nhiều mối quan hệ quốc tế. Vắc-xin để phòng Covid-19 đang được các nước sử dụng

như vũ khí mới khá lợi hại để vừa khẳng định vị thế của quốc gia cũng như để tạo thế đàm phán quốc tế mới. Tổng thống Mỹ đang có sáng kiến chia sẻ công thức sản xuất vắc-xin cho các nước nghèo không có điều kiện để mua vắc-xin. Hành động này đang nâng uy tín của Mỹ trên toàn cầu trong khi đã có 6 loại vắc-xin được Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cấp phép sử dụng tính đến 9/5/2021. Những quan hệ quốc tế đang chuyển hướng sang khả năng khó dự báo, vừa tiềm ẩn nguy cơ rất lớn, nhất là nguy cơ mất an toàn, vừa tạo cơ hội mới chưa từng có trong chuyển dịch thế giới sang trạng thái phát triển bình thường mới. Đại dịch đang là thử thách chính sách phát triển quốc gia, đòi hỏi phương thức tổ chức mới, bảo đảm cơ sở khoa học và thực tiễn mới sâu sắc hơn trước.

2.2. Tổng sản phẩm quốc nội toàn cầu giảm cục bộ do đại dịch nhưng có khả năng đột phá mạnh sau đại dịch, chiến lược quốc gia khác nhau làm tăng tính phức tạp quan hệ quốc tế

Theo IMF, các nền kinh tế đều phục hồi từ năm 2021 và phục hồi mạnh năm 2022 và 2023 (Hình 1). Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thế giới dự kiến đạt 5,5% năm 2021 và 4,2% năm 2022 (IMF, 2021). Các dự báo điều chỉnh theo hướng lạc quan về sự phục hồi nhanh chóng của kinh tế thế giới được ví như lò xo bị nén lại đợi đến thời điểm bùng nổ toàn cầu.

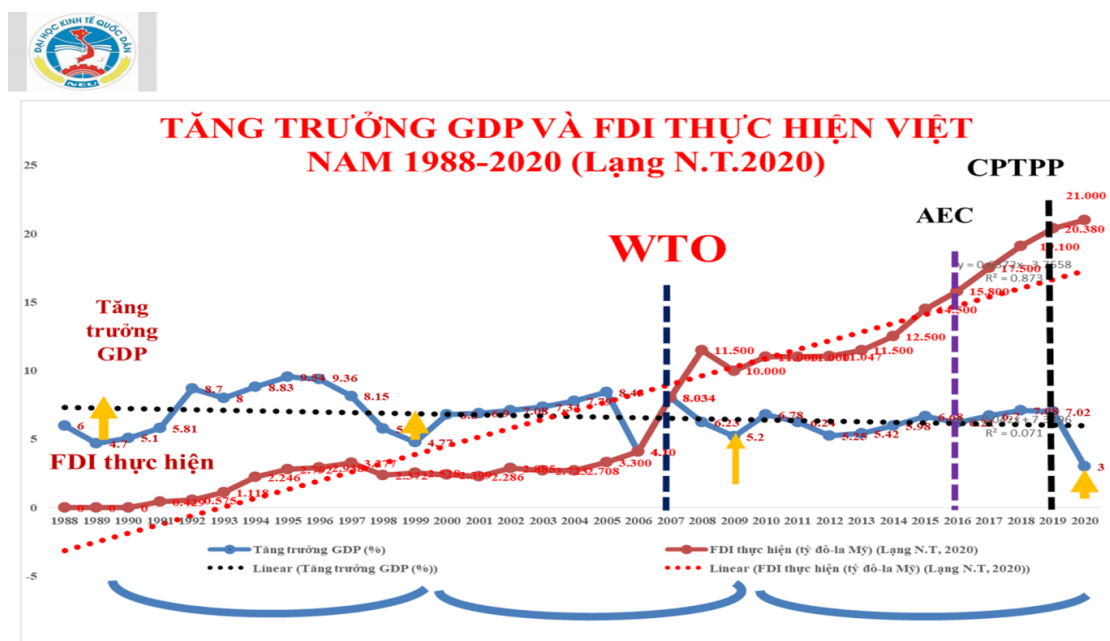
Hình 1: Phục hồi khác nhau: Dự báo của Triển vọng kinh tế (WEO) các nền kinh tế phát triển, mới nổi và đang phát triển



Nguồn: IMF, 2021

Năm 2021, theo chỉ tiêu đặt ra của Quốc hội và Chính phủ Việt Nam, tăng trưởng GDP đạt khoảng 6-6,5% (Quốc hội, 2020). Nền kinh tế Việt Nam được dự báo là có khả năng cất cánh. Tốc độ tăng trưởng trung bình cả giai đoạn 2021-2030 có thể đạt khoảng 6,5% (Hình 2).

Hình 2: Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội và đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện của Việt Nam giai đoạn 1988-2020.

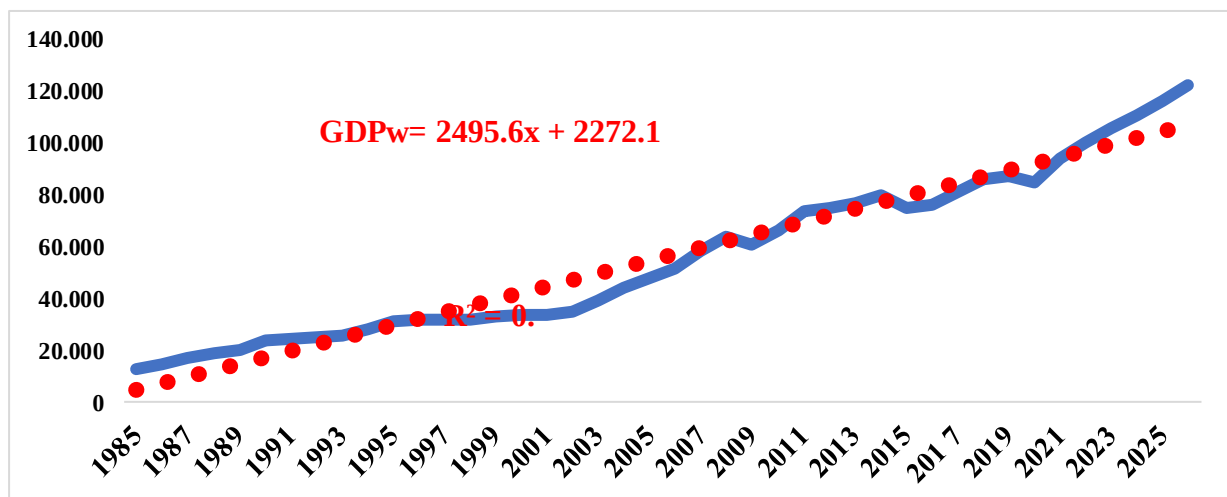


Nguồn: Tác giả thống kê

Năm 2020, quy mô GDP toàn thế giới xét về số tuyệt đối theo giá hiện hành đạt 83,537 nghìn tỷ USD, giảm so với con số 87,345 nghìn tỷ USD năm 2019 (Hình 3). Mặc dù trong cả giai đoạn 1985-2020 và dự báo đến năm 2025, GDP của thế giới có xu hướng tăng cao. Tác động lớn nhất của sự suy giảm GDP thế giới khoảng 3 nghìn tỷ USD của năm 2020 so với năm 2019, là tác động của đại dịch Covid-19 lan rộng toàn cầu. Với việc kiểm soát đại dịch Covid-19, GDP thế giới kỳ vọng đạt con số 113,48 nghìn tỷ USD vào năm 2025 (Statista, 2020).

Hình 3: Quy mô GDP thế giới 1985-2025

Đơn vị tính: tỷ USD



Nguồn: Statista, 2020

Quá trình vận động của nền kinh tế thế giới làm thay đổi cơ bản vị thế quốc gia. Quy mô của nền kinh tế có sự thay đổi và thứ bậc cũng thay đổi theo. Tính theo ngang giá sức mua (PPP), đến năm 2050, Trung Quốc có quy mô lớn nhất thế giới với GDP là 61.079 tỷ USD, Ấn Độ đứng vị trí thứ 2 với 42.205 tỷ USD và Mỹ đứng vị trí thứ 3 với 41.384 tỷ USD (Bảng 1).

Bảng 1: Phân hạng vị thế quốc gia theo quy mô GDP giai đoạn 2014-2050

Thứ hạng PPP	2014		2030		2050	
	Quốc gia	GDP (PPP, tỷ USD)	Quốc gia	GDP (PPP, tỷ USD)	Quốc gia	GDP (PPP, tỷ USD)
1	Trung Quốc	17.632	Trung Quốc	36.112	Trung Quốc	61.079
2	Mỹ	17.416	Mỹ	25.451	Ấn Độ	42.205
3	Ấn Độ	7.277	Ấn Độ	17,138	Mỹ	41.384
4	Nhật Bản	4.788	Nhật Bản	6.006	Indonesia	12.210
32	Việt Nam	509	VN (28)	1.313	VN (22)	3.420

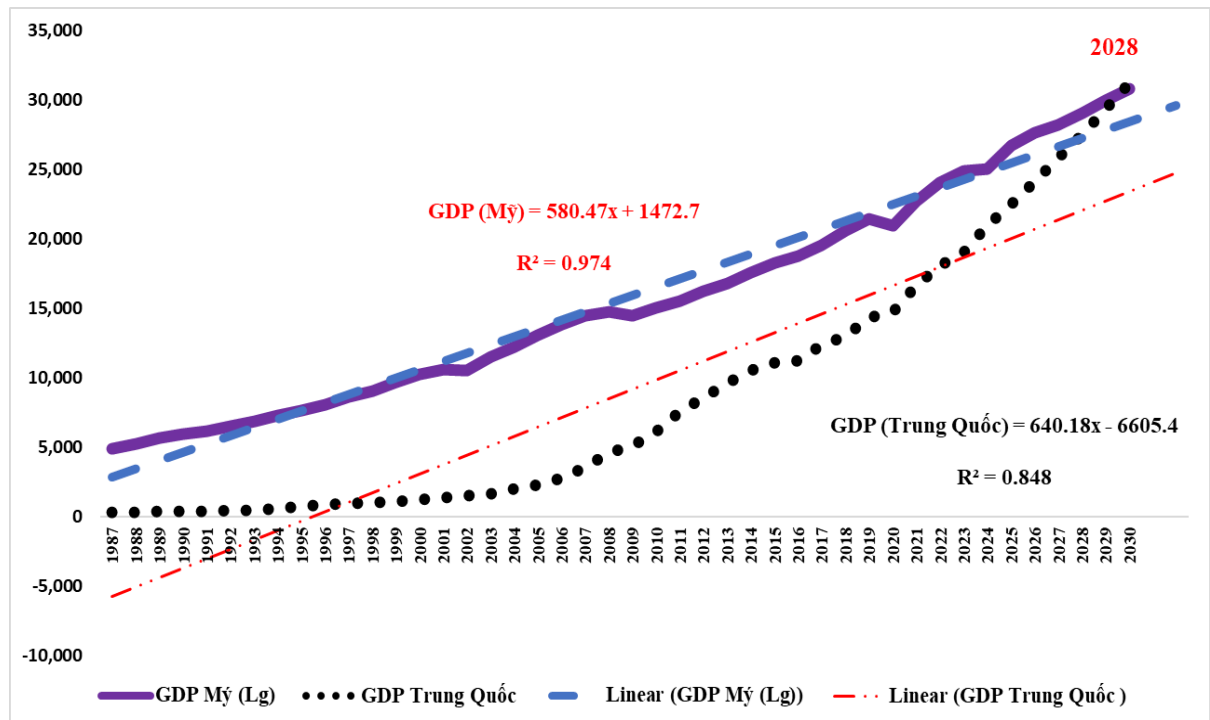
Nguồn: PWC, 2015

Mặc dù GDP thế giới bị suy giảm trong năm 2020 với tỷ lệ 4,3% (The World Bank, 2021) nhưng tính chất căng thẳng của các quan hệ quốc tế không vì thế mà giảm xuống. Chính sự bất ổn định của nền kinh tế thế giới trở thành động lực để các quốc gia (nhất là các nước lớn) có những động thái, thậm chí toan tính muốn thay đổi trật tự thế giới, gia tăng ảnh hưởng của quốc gia mình trong thời gian ngắn. Do đó, các quốc gia đều có chiến lược tận dụng cơ hội và sử dụng các công cụ có khả năng chi phối đáng kể đến nước khác để tăng vị thế của nước mình hoặc để đạt đến sự đối xử công bằng.

Chẳng hạn, Mỹ sử dụng công cụ đánh thuế nhập khẩu lên đến 25% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc để đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại (Trung tâm WTO, 2018). Nga sử dụng mặt hàng dầu mỏ để chi phối các nước liên quan. Chỉ một động thái đàm phán giữa Nga và Ả Rập Xê Út về cắt giảm sản lượng dầu để chặn đà giảm giá dầu. Tuy nhiên, do sợ mất thị phần nếu cắt giảm trước khi bên kia không cắt giảm, cả hai bên dường như bất ngờ đẩy sản lượng lên, dẫn đến trạng thái bất ngờ giá dầu giảm sâu đến âm (-) 37 USD/thùng (Ngọc Thu, 2020). Thị trường dầu mỏ toàn cầu có sự biến động lớn. Nước Anh nhân tình hình kinh tế khó khăn đã ra khỏi EU sau 4 năm đàm phán. Trong đại dịch toàn cầu xảy ra đầu năm 2020, Trung Quốc muốn giành vị trí lãnh đạo thế giới. Theo dự kiến ban đầu, đến năm 2030, quy mô GDP của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, nhưng vì tác động của đại dịch, nền kinh tế Mỹ suy giảm nặng nề, khoảng thời gian này đã rút ngắn và dự kiến cột mốc đó là năm 2028 (Hình 4).

Hình 4: Dự kiến GDP của Trung Quốc vượt Mỹ năm 2028

Đơn vị tính: tỷ USD



Nguồn: Tác giả thống kê

2.3. Cách mạng công nghiệp 4.0 thay đổi cơ bản nhận thức quan hệ quốc tế và phạm trù kinh tế - chính trị chuyển thành công nghệ - chính trị - nền tảng nhận thức mới bản chất thế giới

Cách mạng công nghiệp 4.0 (Schwab K., 2016) với các yếu tố cốt lõi là dữ liệu lớn, điện toán đám mây và Internet kết nối vạn vật đang bổ sung thêm nền tảng phát triển và thay thế dần nền tảng phát triển truyền thống bằng nền tảng mới, cho nên sẽ có nhiều mô hình, phương thức phát triển mới chưa từng có. Công nghệ thông tin phát triển tạo ra nền tảng để những dòng thông tin di chuyển với tốc độ ánh sáng, chuyển từ việc quan tâm đến quy mô lớn, vừa, nhỏ, siêu nhỏ hay đại quy mô thành tốc độ kết nối và mạng toàn cầu. Lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh chuyển sang lợi thế tăng tốc so sánh trong giao dịch. Thời gian để chuyển từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai đến sản xuất thử và sản xuất đại trà và thương mại hóa diễn ra với tốc độ nhanh nhất, thậm chí thời gian này rút xuống bằng không. Tư tưởng, khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp được hiện hữu ngoài kỳ vọng so với cách nhìn nhận 30-40 năm trước.

Cách mạng công nghiệp 4.0 còn làm xuất hiện trí tuệ nhân tạo, đưa nhân loại sang cuộc đại phân công lao động lần thứ tư (người máy và trí tuệ nhân tạo bổ sung vào lực lượng lao động và có thể trở thành lực lượng tinh hoa mới). Mô hình năng lực cạnh tranh dựa trên tận dụng tiến bộ Cách mạng công nghiệp 4.0 về đổi mới sáng tạo trở thành sự lựa chọn chiến lược. Các quốc gia đầu tư rất lớn vào xây dựng chuỗi cung ứng hoàn chỉnh để tránh phụ thuộc vào nước ngoài, như: đầu tư vào sản xuất các loại thiết bị, linh kiện điện tử tinh xảo để dẫn đầu về công nghệ bán dẫn, tạo khả năng sử dụng tiến bộ công nghệ như một công cụ chiến lược để đạt mục tiêu chính trị - chi phối chính sách của các nước khác. Các nước này có thể kể đến như: Liên minh châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ... đều nhận thấy tính chất lợi hại của loại vũ khí công nghệ siêu bán dẫn này.

Có thể thấy tình hình của các nước đang chạy đua để giành vị thế chủ động trong sản xuất chất siêu bán dẫn, đặc biệt là các nước có các tập đoàn công nghiệp bán dẫn hàng đầu thế giới. Cuộc cạnh tranh công nghệ bắt đầu từ nghiên cứu và chế tạo chất bán dẫn, đang khởi đầu cho mặt trận giành giật mới giữa các cường quốc, có khả năng làm thay đổi cục diện chính trị thế giới, lấy đổi mới sáng tạo và tiến bộ vượt trội về công nghệ làm chỗ dựa.

Ở Trung Quốc, linh kiện bán dẫn vẫn còn nhiều hạn chế. Công ty SMIC và Huawei có khả năng sản xuất chip bán dẫn có kích thước 14 nanomet và hiện tại vẫn phụ thuộc nước ngoài. Trước bối cảnh cuộc đối đầu Mỹ - Trung, lệnh cấm vận của Mỹ áp dụng đối với tất cả nhà sản xuất chất bán dẫn được Mỹ cấp phép. Lệnh cấm này tác động trực tiếp đến tập đoàn Huawei và buộc chính phủ Trung Quốc phải hiện đại hóa năng lực chế tạo chất bán dẫn. Năm 2020, Trung Quốc mua gần 32 tỷ USD thiết bị sản xuất chip máy tính từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước khác, tăng 20% so với năm 2019. Trong kế hoạch "Made in China 2025", Trung Quốc đặt mục tiêu tự cung ứng 40% nhu cầu linh kiện bán dẫn vào năm 2020 và 70% vào năm 2025, với hơn 120 tỉ euro đầu tư từ chính quyền trung ương và địa phương (Nhật Minh, 2020).

Tại Đài Loan, đại dịch Covid-19 làm tăng khan hiếm chip bán dẫn toàn cầu và Đài Loan gia tăng xuất khẩu. Tập đoàn TSMC (Đài Loan) chiếm 55%-75% lượng linh kiện bán dẫn cả thế giới và hãng dự tính tiếp tục dẫn đầu. Tại Hàn Quốc, Tập đoàn Samsung sản xuất

chip nhớ và không có đặc tính nhớ. Năm 2019, Samsung dự định đầu tư 115 tỷ USD trong 10 năm để mở rộng kinh doanh chip nhớ và đóng gói chip. Tại châu Âu, cuối năm 2020, Liên minh châu Âu công bố dự án xây dựng nhà máy sản xuất chip điện tử tại châu Âu. Mục tiêu sản xuất ít nhất 1/5 linh kiện bán dẫn của thế giới, hướng tới chế tạo linh kiện bán dẫn 2 nanomet (Hoàng An, 2021).

Do tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, kiến thức được đồng hóa và lan tỏa nhanh chóng. Thị trường lao động có sự thay đổi, trong đó có sự sắp xếp lại thứ tự ưu tiên của các kỹ năng lao động. Đến năm 2025, kỹ năng gắn với đổi mới sáng tạo sẽ được đề cao. Các kỹ năng mang tính chất nghệ thuật giao tiếp có vị trí thấp dần (Bảng 2).

Bảng 2: 10 kỹ năng Cách mạng công nghiệp 4.0

2015		2020		2025	
Thứ tự	Các kỹ năng	Thứ tự	Các kỹ năng	Thứ tự	Các kỹ năng
1	Kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp	1	Kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp	1	Tư duy phân tích và đổi mới sáng tạo
2	Kỹ năng hợp tác với người khác	2	Kỹ năng tư duy phản biện	2	Học tập tích cực và chiến lược học tập
3	Kỹ năng quản lý con người	3	Kỹ năng tư duy sáng tạo	3	Kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp
4	Kỹ năng tư duy phản biện	4	Kỹ năng quản lý con người	4	Tư duy phản biện và phân tích
5	Kỹ năng đàm phán	5	Kỹ năng hợp tác với người khác	5	Kỹ năng sáng tạo, truy gốc và sáng kiến
6	Kỹ năng kiểm soát chất lượng	6	Kỹ năng trí tuệ cảm xúc	6	Lãnh đạo và ảnh hưởng
7	Kỹ năng định hướng dịch vụ	7	Kỹ năng phán đoán và ra quyết định	7	Sử dụng công nghệ, quản lý và kiểm soát
8	Kỹ năng phán đoán và ra quyết định	8	Kỹ năng định hướng dịch vụ	8	Thiết kế công nghệ và lập trình
9	Kỹ năng chủ động lắng nghe	9	Kỹ năng đàm phán	9	Kỹ năng chịu đựng, giải tỏa căng thẳng và linh hoạt
10	Kỹ năng tư duy sáng tạo	10	Kỹ năng linh hoạt nhận thức	10	Lập luận, giải quyết vấn đề và đề xuất ý tưởng

Nguồn: Diễn đàn kinh tế thế giới, 2021

Trong cuộc chạy đua tiếp nhận tác động Cách mạng công nghiệp 4.0, phạm trù kinh tế - chính trị thế giới là một phạm trù được sử dụng phổ biến mang tính truyền thống, sử dụng để giải thích sự chuyển hóa tuần tự các hình thái kinh tế - xã hội (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 1985), được chuyển hóa từng bước sang phạm trù công nghệ - chính trị thế giới theo nghĩa trực tiếp và trực diện. Cuộc giành giật yếu tố cốt lõi là tiến bộ công nghệ hàng

đầu có thể ảnh hưởng đến vị thế chính trị - an ninh quốc gia, quyền lực lãnh đạo thế giới trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0.

Với sự thay đổi của phạm trù kinh tế - chính trị dần chuyển sang công nghệ - chính trị, nhận thức và tư duy chiến lược, hoạch định chính sách, cạnh tranh quốc tế được thay đổi cơ bản. Sự vận động và chuyển hóa các hình thái kinh tế - xã hội có thể không tuần tự mà có những bước ngoặt đặc thù, với những khác biệt cần thiết. Đầu tư nghiên cứu các mô hình tổ chức, phương thức vận hành và công cụ, biện pháp, chính sách hỗ trợ dựa trực tiếp vào công nghệ đổi mới, sẽ tạo ra phiên bản mới của tổ chức xã hội, theo đó, xã hội chuyển hóa lên trạng thái mới chưa có trong tiền lệ và thế giới có những chuyển dịch khác biệt.

2.4. Xu hướng số hóa kinh tế đang trở thành xu hướng bao trùm mọi lĩnh vực, chủ thể, quy trình, liên tục và không có điểm cuối cùng

Với sự xuất hiện của mạng Internet cách đây khoảng 30 năm, nhân loại bước sang một thời đại phát triển mới (thời đại phát triển dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo). Cùng với các thành tựu Cách mạng công nghiệp 4.0, dữ liệu lớn và công nghệ điện toán đám mây phát huy tác động, quá trình số hóa đồng bộ và toàn diện diễn ra nhanh chóng. Nhiều nền tảng và ứng dụng mới ra đời càng thúc đẩy sự phát triển của tất cả các lĩnh vực. Những biểu hiện của xu hướng này là việc hình thành chính phủ điện tử (e-government), doanh nghiệp số, kinh doanh số, ngân hàng số, tiền kỹ thuật số, công dân số, y tế số, giáo dục số, xã hội số, giải trí số, thành phố thông minh... Nhiều mô hình kinh tế và kinh doanh mới xuất hiện như: kinh tế chia sẻ, đầu tư trực tuyến, thương mại điện tử, marketing kỹ thuật số... dựa trên các nền tảng ứng dụng mới. Mạng Internet được bổ sung thêm nền tảng Facebook, TikTok, YouTube và các loại kênh thông tin phát trực tuyến đa dạng toàn thế giới của các hãng truyền thông đa phương tiện. Thị trường sản phẩm số tăng lên nhanh chóng và sôi động chưa từng có, thanh khoản cao. Tình hình này còn được tiếp thêm bởi việc phát triển các thế hệ điện thoại mới, máy tính bảng... với dung lượng bộ nhớ gần như vô hạn và số lượng giao dịch tăng lên không có điểm giới hạn. Thị trường các sản phẩm công nghệ thông tin gần như mang tính cạnh tranh hoàn hảo - gia nhập thuận lợi và rút lui thuận lợi, số lượng chủ thể tăng lên nhanh chóng.

Với sự xuất hiện nền tảng và hạ tầng công nghệ thông tin cũng như thị trường các sản phẩm số hóa, thể chế số được hoàn thiện từng bước vừa mang tính thăm dò, vừa có tính đón đầu. Nếu chuyển hoá không kịp xu hướng, sự lạc hậu thể chế sẽ bộc lộ trở thành lực cản phát triển. Trong giai đoạn chuyển đổi thể chế gắn với giao dịch số hoá, tốc độ chuyển đổi số doanh nghiệp, quốc gia, tổ chức, cá nhân, xã hội không đều. Điều này tạo ra nhiều kẽ hở và lỗ hổng chính sách, cơ chế cũng như công cụ và biện pháp áp dụng. Trong tình hình đó, khả năng xuất hiện cơ hội rất lớn nhưng rủi ro không nhỏ. Xuất hiện hàng loạt doanh nghiệp, tập đoàn quy mô lớn và tỷ phú thế giới với lượng tài sản có trị giá hàng nghìn và hàng trăm tỷ USD. Nói cách khác, sự thịnh vượng đang tăng lên cùng với quá trình số hóa.

Các quy trình vận hành của các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, công dân đều được số hóa để đơn giản hóa, tăng tốc độ, giảm chi phí và tạo khả năng quản lý hiệu quả. Với sự hỗ trợ của chuỗi số (blockchain), các khâu công việc được đơn vị hóa cho

nên khó có khả năng điều chỉnh, thay đổi hay gian lận như trong đàm phán và ký hợp đồng thông minh xuyên biên giới, kê khai đóng thuế hoặc tất cả các loại giao dịch hay tương tác khác. Mô hình quản trị dựa trên công nghệ được phát triển.

Bên cạnh đó, do tài nguyên số vô hạn nhưng tạo ra giá trị rất lớn, cho nên đó là nguồn lực kinh tế cần được khai thác. Với nguồn lực vô hạn, quá trình khai thác dữ liệu lớn và tài nguyên số cũng diễn ra liên tục và không có điểm kết thúc. Hơn nữa, tính chất vô hạn tài nguyên số làm thay đổi nền tảng của kinh tế học được phát triển dựa trên quan niệm sự khan hiếm về nguồn lực như: đất đai, nhân lực, tiền vốn, trí tuệ, thể chế, cho nên cần lựa chọn quyết định kinh tế là sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai? Trong kinh tế số, các câu hỏi đó có thể thay đổi vì nguồn tài nguyên số là vô hạn. Những nguyên lý mang tính nền tảng của kinh tế học có thể thay đổi cơ bản trong kinh tế số.

2.5. Các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới như là sự thay thế tốt hơn thể chế của Tổ chức Thương mại Thế giới đang rơi vào bế tắc

Sự bế tắc của vòng đàm phán Doha năm 2005 là cơ hội cho sự xuất hiện của các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới. Bắt đầu là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 12 quốc gia thành viên năm 2016, sau đó chuyển thành Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) gồm 11 thành viên (không có Mỹ) năm 2019, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) năm 2020, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP) gồm 15 nước thành viên và các hiệp định, thỏa thuận thương mại khác sau WTO. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU) là hiệp định giữa Việt Nam với các nước thành viên Liên bang Nga, Cộng hòa Belarus, Cộng hòa Kazakhstan, Cộng hòa Armenia, Cộng hòa Kyrgyzstan có hiệu lực từ 5/10/2016 tạo khả năng mở rộng quy mô và gia tăng cường độ thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia này (Trung tâm WTO, 2016). Tuy nhiên, tác động của hiệp định này đến thương mại hai chiều không lớn, do nhu cầu giữa Việt Nam và các nước thuộc EAEU có sự khác biệt khá lớn, chi phí vận tải cao, thị phần mặt hàng có lợi thế so sánh của Việt Nam tại EAEU không lớn và ngược lại, thị phần mặt hàng có lợi thế so sánh của EAEU tại Việt Nam cũng khá hạn chế.

Nhờ có các hiệp định này, nền thương mại của các nước thành viên hiệp định và nền thương mại toàn cầu có thêm động lực mới để phát triển. Tổng cầu thế giới có xu hướng tăng lên và tổng cung được mở rộng. Điều này góp phần mở rộng quy mô thị trường khu vực và thế giới. Các quốc gia có xu hướng đàm phán và ký kết hiệp định khu vực hoặc song phương, thay vì các hiệp định đa phương làm giảm động lực phát triển tới hạn của các quốc gia. Thực tế cho thấy, các quốc gia luôn đề cao chủ nghĩa đa phương, song trong thương mại các quốc gia vẫn chú trọng không nhỏ quan hệ song phương vì tính chất toàn diện và chiều sâu song phương được tận dụng triệt để hơn diễn đàn đa phương.

Trình độ chênh lệch quá lớn giữa các thành viên càng làm cho cam kết không đòi hỏi quá cao hay nỗ lực của các quốc gia bị giới hạn bởi trình độ hạn chế của các nước thành viên trình độ thấp khác. Có thể thấy, Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) được thành lập vào năm 1993 nhưng đến năm 2021 (sau 28 năm), những tiến bộ về thương mại và kinh tế của ASEAN vẫn chưa đạt như mong đợi. Thể chế kinh tế - thương mại của

ASEAN chưa tạo được động lực đủ mạnh để các thành viên khai thác nỗ lực cao nhất các nguồn lực trong nội bộ khu vực. Cho đến năm 2021, thương mại nội bộ ASEAN chỉ mới chiếm khoảng 25% tổng thương mại của các nước ASEAN (ASEAN Secretariat, 2020).

Với xu hướng cam kết giảm thuế nhanh và đồng loạt, các biện pháp kỹ thuật và phi kỹ thuật thương mại ngày càng được sử dụng phổ biến, các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng tinh vi và phức tạp. Đầu tư của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu này càng tăng lên đáng kể. Hơn nữa, tình hình lẫn tránh thuế cũng tăng lên với các hình thức biểu hiện khác nhau. Do tác động của tiến bộ công nghệ, cam kết về thương mại điện tử, giao dịch phi giấy tờ được đề cao. Các cam kết bảo vệ quyền người lao động, quyền lợi người tiêu dùng, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ, bảo vệ môi trường, mua sắm chính phủ được coi trọng đáng kể. Các vấn đề thương mại thuần túy được nhiều hiệp định và cam kết quốc tế thực hiện gần như triệt để. Do đó, từ những vấn đề thương mại thuần túy được thực hiện, xuất hiện nhiều vấn đề mang tính kỹ thuật và có hàm lượng công nghệ nhiều hơn. Điều này cho thấy thương mại dựa trên tiến bộ công nghệ ngày càng được coi trọng và dần trở thành xu hướng phát triển thương mại chủ đạo.

3. Các mối quan hệ cơ bản

Các mối quan hệ cơ bản trong nền kinh tế thế giới hiện tại đều gắn với vai trò của các siêu cường, nhất là vị thế lãnh đạo thế giới của Mỹ. Từ vị thế lãnh đạo thế giới, Mỹ có cách xử lý các quan hệ này một cách thỏa đáng để vừa bảo vệ vị thế lãnh đạo thế giới, vừa duy trì trật tự thế giới, giảm thiểu tình trạng bất định, khó lường của các quan hệ quốc tế. Đồng thời, có thể quan sát cách phản ứng với chính sách của Mỹ, của các nước để hiểu rõ hơn mục đích và xu hướng chính sách các nước đối với phần còn lại của thế giới. Các quốc gia đều có nguyên tắc, công cụ, biện pháp trong chính sách áp dụng với phần còn lại của thế giới sao cho có lợi nhất. Tuy nhiên, dù ở vị thế nào, các quốc gia đều muốn đạt lợi ích quốc gia cao nhất.

3.1. Quan hệ Mỹ - Trung

Quan hệ Mỹ - Trung là quan hệ cạnh tranh chiến lược thể hiện ở tranh giành ảnh hưởng với phần còn lại thế giới. Mỹ và Trung Quốc đều thực hiện chiến lược hiện có tầm ảnh hưởng rất lớn. “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ với 4 nước trụ cột là Mỹ - Nhật - Ấn Độ - Úc (Manning R.A., 2018), như là lực lượng đối trọng sáng kiến “Vành đai, con đường” của Trung Quốc (Nguyễn Thu Hà, 2019) nhằm kết nối chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu trên bộ và trên biển, lấy Trung Quốc làm đầu mối thế giới. Các lĩnh vực cạnh tranh giành giật mức độ ảnh hưởng được thực hiện ráo riết và quyết liệt về lĩnh vực công nghệ cao, chinh phục không gian, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, giành ưu thế sử dụng đồng tiền kỹ thuật số... Trung Quốc đang thể hiện là một thế lực chính trị - công nghệ - kinh tế toàn cầu bắt đầu từ sự vững mạnh về kinh tế. Trung Quốc cố gắng đưa nhiều nhân sự vào các tổ chức toàn cầu và khu vực để tạo ảnh hưởng từng bước, tiến tới lãnh đạo các tổ chức này phục vụ lợi ích của Trung Quốc, nhằm thực hiện mục tiêu bao trùm “giấc mộng Trung Hoa”.

Tuy nhiên, để đạt đến vị trí lãnh đạo thế giới, Trung Quốc cần tham gia tích cực và hiệu quả trong xây dựng chiến lược và chính sách phát triển toàn cầu. Mỹ có rất nhiều đồng minh thân cận ở châu Á, châu Mỹ, châu Âu, Trung Đông. Trung Quốc hầu như không có đồng minh thân cận mà chỉ có đối tác chiến lược hoặc đối tác hợp tác chiến lược toàn diện hay hình thức quan hệ khác với những cam kết không thật chặt chẽ. Những chuẩn mực toàn cầu trong hầu hết lĩnh vực đều do Mỹ xây dựng, vì thế việc Trung Quốc thay thế hoàn toàn vị trí lãnh đạo của Mỹ khó xảy ra trong tương lai gần. Tình trạng cạnh tranh, căng thẳng và xung đột giữa hai quốc gia sẽ còn tiếp tục. Điều này gây tác động nhất định đến phần còn lại thế giới. Chẳng hạn, Mỹ đánh thuế diện rộng hàng Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ gây dư thừa hàng Trung Quốc, làm giảm giá và tăng lợi ích nước tiêu thụ quy mô lớn hàng Trung Quốc.

3.2. Quan hệ Mỹ - Nga

Đây là quan hệ cạnh tranh nhưng thế lực chính trị và kinh tế của Nga đều thấp hơn Mỹ đáng kể, mặc dù Nga có các loại vũ khí hiện đại hơn Mỹ và nắm trong tay nguồn cung dầu mỏ (loại vật tư chiến lược). Tuy nhiên, vị trí, vai trò chiến lược của mặt hàng này bị giảm dần, ưu thế của Nga dường như cũng giảm theo. Loại năng lượng mới thay thế dần năng lượng hóa thạch. Hơn nữa, trong cách ứng xử với đại dịch Covid-19, Mỹ vẫn tỏ ra là quốc gia có tầm nhìn tốt hơn khi đề xướng sáng kiến công bố công thức bào chế vắc-xin ngừa Covid-19 cho các nước nghèo, trong khi Trung Quốc có loại vắc-xin này nhưng chưa sẵn sàng chia sẻ.

3.3. Quan hệ Mỹ - EU

Đây là quan hệ giữa hai khối kinh tế lớn nhất toàn cầu, cùng với việc Anh rời khỏi EU trong đại dịch, quan hệ Mỹ - EU bị chậm lại. Tiềm lực kinh tế và công nghệ của các bên còn rất lớn và nhiều công nghệ chiến lược vẫn được cả hai bên phát triển tạo thêm nền tảng để phát triển nền kinh tế khu vực và thế giới.

3.4. Quan hệ Mỹ - Hàn - Nhật Bản

Đây là quan hệ giữa 3 đồng minh chiến lược của Mỹ ở Đông Bắc Á. Trong quan hệ này, Mỹ vẫn đóng vai trò chi phối đồng minh. Các nước này đang coi Mỹ là chỗ dựa chiến lược để gia tăng ảnh hưởng toàn cầu cũng như để bảo vệ các lợi ích chiến lược. Do đó, khi duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị với Mỹ, các nước này được hưởng lợi rất lớn. Ba nước này vẫn duy trì quan hệ đồng minh kiểu truyền thống, chưa có biểu hiện mới trong cải tổ quan hệ này để nâng cấp quan hệ lên phiên bản mới.

3.5. Quan hệ Trung Quốc - ASEAN

Đây là quan hệ trong khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc muốn tăng cường ảnh hưởng trong khu vực trước Mỹ. Tuy nhiên, Trung Quốc đã bộc lộ là nước không tuân thủ Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982. Điều này càng làm giảm lòng tin vào

sự tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia. Với Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, ASEAN dần như đã có Mỹ làm chỗ dựa đáng tin cậy hơn so với Trung Quốc. Hơn nữa, mọi hành động của Trung Quốc trong khu vực, nếu không có Mỹ hiện diện trực tiếp, cũng có đồng minh của Mỹ là Philippines theo dõi sát sao. Các tính toán của Trung Quốc theo kiểu ngấm ngầm buộc các nước ASEAN phụ thuộc vào Trung Quốc, khi bị bộc lộ, có khả năng dẫn đến trạng thái phản kháng trái mục tiêu Trung Quốc.

Từ các xu hướng bao trùm cùng với các quan hệ cơ bản theo từng loại quốc gia nhất định, có thể thấy thế giới đang chuyển dần sang trạng thái mới với sự xuất hiện của các lực lượng kinh tế - chính trị - công nghệ hùng hậu và nhận thức của các quốc gia thay đổi theo hướng giảm thiểu đối đầu để tìm kiếm cơ hội mới, đa dạng, thay đổi nhanh chóng nhằm đạt mục tiêu cao nhất đối với quốc gia. Việt Nam nên kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế, thực hiện phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tranh thủ tối đa cơ hội nhiều chiều, đa dạng, giảm thiểu đối đầu, xung đột để thu lợi ích cao nhất.

4. Kết luận

Thế giới đang chuyển dịch sang các xu hướng mới. Các xu hướng này chi phối đáng kể đến cách giải thích và là chỗ dựa để các thực thể tận dụng xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới vận động với tốc độ nhanh hơn. Việc tận dụng các xu hướng này đang mở ra nhiều khả năng và chiều hướng phát triển mới của thế giới, mặc dù sự phát triển của nó bị kìm hãm bởi đại dịch Covid-19.

Bên cạnh xu hướng mới, vẫn có các xu hướng quan hệ mang tính cục bộ, đặc thù nhất là quan hệ giữa các nước lớn trong giai đoạn phát triển mới. Các mối quan hệ giữa các chủ thể và thực thể thế giới có thể ở các khu vực địa lý khác nhau, tác động khác nhau nhưng vẫn chịu sự tác động của các nước lớn. Việc hiểu rõ chiến lược và chính sách của các nước lớn sẽ tạo điều kiện để các quốc gia đưa ra cách ứng xử phù hợp.

Các quan hệ quốc tế đang trở thành nguồn lực phát triển quan trọng đối với các quốc gia. Việt Nam trong quá trình tiếp nhận tác động xu hướng mới cũng như chịu ràng buộc của quan hệ khu vực, nếu nhận thức đầy đủ bản chất, xu hướng quan hệ, khai thác hiệu quả tác động của chúng, có thể tạo được trạng thái phát triển chưa từng có. Đường lối hội nhập quốc tế chủ động, tích cực là sự lựa chọn phù hợp trong giai đoạn hiện tại, song cần thực hiện sáng tạo và linh hoạt theo đối tác, theo lĩnh vực và theo giai đoạn để lợi ích quốc gia là tối thượng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (1985), *Triết học Mác - Lê-nin, Phần chủ nghĩa duy vật lịch sử* (Tài liệu môn học lưu hành nội bộ).
2. Hoàng An (2021), “Cuộc chiến linh kiện bán dẫn Mỹ - Trung chỉ mới bắt đầu”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/cuoc-chien-linh-kien-ban-dan-my-trung-chi-moi-bat-dau-332362.html>, truy cập ngày 29/5/2021.

3. Diễn đàn kinh tế thế giới (2021), “Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu”, http://www3.weforum.org/docs/WEF_TheGlobalCompetitivenessReport2020.pdf, truy cập ngày 15/4/2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), “Văn kiện Đại hội XIII” <https://daihoi13.dangcongsan.vn/tu-lieu/van-ban-chi-dao-huong-dan>, truy cập ngày 24/5/2021.
5. Nguyễn Thu Hà (2019), “Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc: 5 năm nhìn lại”, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2019/54516/Sang-kien-Vanh-dai-Con-duong-cua-Trung-Quoc-5-nam-nhin.aspx>, truy cập ngày 19/12/2019.
6. Nhật Minh (2020), “Trung Quốc bơm 2,2 tỷ USD để tránh phụ thuộc công nghệ Mỹ”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/trung-quoc-bom-22-ty-usd-de-tranh-phu-thuoc-cong-nghe-my-323128.html>, truy cập ngày 29/5/2021.
7. Quốc hội (2020), “Chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021”, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=48617&idcm=136>, truy cập ngày 19/3/2021.
8. Ngọc Thu (2020), “Thảm họa giá dầu xuống dưới 0 đồng”, <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tham-hoa-gia-dau-xuong-duoi-0-dong-1214116.html>, truy cập ngày 29/5/2021.
9. Trung tâm WTO (2016), “Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu”, <https://trungtamwto.vn/fta/188-viet-nam-lien-minh-kinh-te-a-au/1>, truy cập ngày 23/12/2021.
10. Trung tâm WTO (2018), “Mỹ công bố danh sách áp thuế 25% lên 300 tỷ USD hàng Trung Quốc”, <https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/13187-my-cong-bo-danh-sach-ap-thue-25-len-300-ty-usd-hang-trung-quoc>, truy cập ngày 29/5/2021.
11. ASEAN Secreteriat (2020), “Trade in Goods”, <https://data.aseanstats.org/trade-annually>, truy cập ngày 5/02/2021.
12. CSIS (Center for Strategic and International Studies) (2021), “Southeast Asia Covid-19 Tracker”, <https://www.csis.org/programs/southeast-asia-program/projects/southeast-asia-covid-19-tracker>, truy cập ngày 25/9/2021.
13. IMF (2021), “The world economic outlook update”, <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2021/01/26/2021-world-economic-outlook-update>, truy cập ngày 9/5/2021.
14. Manning R.A. (2018), “US Indo-Pacific Strategy: Myths and Reality”, <http://valdaiclub.com/files/18834/>, truy cập ngày 29/5/2021.
15. PWC (2015), “The World in 2050 Will the shift in global economic power continue?”, <https://espas.secure.europarl.europa.eu/orbis/sites/default/files/generated/document/en/PWCworld-in-2050-february-2015.pdf>, truy cập ngày 18/01/2021.
16. Schwab K. (2016), “The Fourth Industrial Revolution” https://law.unimelb.edu.au/__data/assets/pdf_file/0005/3385454/Schwab-The_Fourth_Industrial_Revolution_Klaus_S.pdf, truy cập ngày 11/1/2021.
17. Statista (2020), “Global gross domestic product (GDP) at current prices from 1985 to 2025”, <https://www.statista.com/statistics/268750/global-gross-domestic-product-gdp>, truy cập ngày 10/02/2021.
18. The World Bank (2021), “The World Economic Prospect”, <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>, truy cập ngày 17/6/2021.
19. Worldometers (2021), “Covid-19 coronavirus pandemic”, <https://www.worldometers.info/coronavirus/>, truy cập ngày 9/7/2021.